

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 513/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17/11/2021

V/v : Tranh chấp ly hôn giữa chị T và
anh L

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Duy Minh Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thái Thục Hiền

2. Ông Đoàn Văn Rỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Trinh – Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn An Lập – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 251/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021, về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/10/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Ngọc T; Sinh năm 1990;

Nơi đăng ký thường trú: Đồng Tâm, Mỹ Đức, Hà Nội;

Nơi cư trú: Số 125/49A đường A, Phường 1, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Bị đơn: Anh Đỗ Văn L; Sinh năm 1987;

Nơi đăng ký thường trú: Đồng Tâm, Mỹ Đức, Hà Nội;

Nơi cư trú: Số 125/49A đường A, Phường 1, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, nguyên đơn chị Đỗ Thị Ngọc T trình bày:

Chị T và anh Đỗ Văn L chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Lợi, huyện Phú Mỹ, tỉnh Bình Định, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 39, quyển số 01/2011, đăng ký ngày 24/6/2011.

Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do giữa chị T và anh L bất đồng quan điểm sống, bất đồng về suy nghĩ và cách giải quyết các vấn đề trong cuộc sống vợ chồng. Mặc dù đã nhiều lần tự hoà giải, hàn gắn nhưng mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng hơn, giữa vợ chồng không còn tiếng nói chung, không chia sẻ được các vấn đề trong cuộc sống gia đình nên cả hai đã không còn chung sống từ tháng 3/2020 cho đến nay. Do đó, chị T nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh L.

Về con chung: Có một con chung tên: Đỗ Thị Khánh B, sinh ngày 26/12/2011.

Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị T tự xác định giữa chị T và anh L không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T tự xác định giữa chị T và anh L không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Văn L đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không ghi được lời khai, không tiến hành hòa giải được.

Sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh L đã có đơn xin giải quyết vắng mặt và thể hiện ý kiến:

- Về hôn nhân: Anh L đồng ý ly hôn với chị Đỗ Thị Ngọc T.

- Về con chung: Có một con chung tên Đỗ Thị Khánh B, sinh ngày 26/12/2011. Anh L đồng ý giao con chung Khánh B cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Do chị T không có yêu cầu nên anh L xin tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh L xác định giữa anh L và chị T không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và xét xử, Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, về thời hạn giải quyết vụ án chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn thực hiện chưa đầy đủ

các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Ngọc T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Đỗ Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để hòa giải mà vẫn cố tình vắng mặt. Do vậy, theo quy định tại Điều 207 của Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án không thể tiến hành hòa giải được.

Nguyên đơn – chị Đỗ Thị Ngọc T và bị đơn – anh Đỗ Văn L có đơn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị Ngọc T thì đây là tranh chấp ly hôn theo yêu cầu một bên, do bị đơn là anh Đỗ Văn L có cư trú tại Quận 8, nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8 theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Chị Đỗ Thị Ngọc T và anh Đỗ Văn L chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Lợi, huyện Phú Mỹ, tỉnh Bình Định, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 39, quyển số 01/2011, đăng ký ngày 24/6/2011, nên xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp phù hợp với Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của chị T, chị T trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do giữa chị T và anh L bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên gây tranh cãi. Dù đã cố gắng hòa giải nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn sự chia sẻ và tôn trọng nhau, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc. Tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không còn đạt được và cả hai đã không còn chung sống như vợ chồng từ tháng 3/2020 cho đến nay. Nên chị T yêu cầu được ly hôn. Căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu của chị T là có căn cứ cần giải quyết.

Xét thấy, anh L đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa để tạo điều kiện cho hai bên hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng anh L vẫn vắng mặt đồng thời

tại đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, anh L thể hiện ý kiến đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị T cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được, nên yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ cần chấp nhận vì phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Có một con chung tên: Đỗ Thị Khánh B, sinh ngày 26/12/2011.

Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn vì hiện nay con chung đang sinh sống ổn định với chị T. Chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Ngày 23/4/2021, trẻ Đỗ Thị Khánh B đã có văn bản thể hiện ý kiến muốn được sống chung với mẹ.

Về vấn đề con chung, tại đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, anh L thể hiện ý kiến đồng ý giao con chung Khánh B cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, xin tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi có yêu cầu.

Xét yêu cầu của chị T là phù hợp với Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình mặt khác cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung và đảm bảo quyền lợi của con nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao con chung Đỗ Thị Khánh B cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Ghi nhận việc chị T không có yêu cầu nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh L.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh L cùng xác định cả hai không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, nếu sau này có tranh chấp, các bên có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 207, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13;

Áp dụng:

- Các Điều 8, 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Ngọc T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Ngọc T được ly hôn với anh Đỗ Văn L.

2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

Có một con chung tên: Đỗ Thị Khánh B, sinh ngày 26/12/2011.

Giao con chung Đỗ Thị Khánh B cho chị Đỗ Thị Ngọc T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Đỗ Văn L cho đến khi có yêu cầu.

Anh L có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Trường hợp có tranh chấp, các bên có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), chị Đỗ Thị Ngọc T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0046164 ngày 02/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo: Chị T, anh L có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành

án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS Q.8;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- VKSND Q.8;
- TAND TP.HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lương Duy Minh Chính